

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

TS. Đỗ Thị Thu

Khoa Kinh tế, Học viện Ngân hàng

thudt@hvn.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh phát triển kinh tế số trên toàn cầu, Việt Nam đã và đang có những thành công nhất định trong quá trình chuyển đổi số hướng đến phát triển kinh tế số. Với mục tiêu nâng tỷ trọng kinh tế số trong tổng sản phẩm quốc nội lên 20% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030, Việt Nam cần thực hiện các chính sách phối hợp đồng bộ cả về kinh tế và xã hội trong mọi ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong đó, kết nối cung - cầu lao động là một trong những chủ đề được các nhà hoạch định chính sách quan tâm thúc đẩy, nhằm đáp ứng tốt với xu hướng chuyển dịch cơ cấu việc làm trong quá trình chuyển đổi số. Bài viết này nhằm cung cấp bằng chứng khoa học và thực tiễn về thực trạng cung và cầu lao động trong những năm gần đây, làm cơ sở cho các thảo luận chính sách phát triển thị trường lao động, đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế số.

Từ khóa: Lao động, việc làm, cung lao động, cầu lao động, kinh tế số.

THE LABOR MARKET WITHIN THE FRAMEWORK OF DIGITAL ECONOMY ADVANCEMENT IN VIETNAM

Abstract: In the framework of advancing the global digital economy, Vietnam has achieved notable progress in its digital transformation efforts aimed at fostering economic development. To elevate the contribution of the digital economy to 20% of the gross domestic product by 2025 and 30% by 2030, it is essential for Vietnam to adopt comprehensive policies that ensure cohesive economic and social coordination across all sectors of the economy. One of the key areas of interest for policymakers is the alignment of labor supply and demand, particularly in response to the evolving employment landscape brought about by digital transformation. This article seeks to present both scientific and practical insights into the recent trends in labor supply and demand, serving as a foundation for discussions regarding labor market development policies that address the needs arising from the advancement of the digital economy.

Keywords: Labor, employment, labor supply, labor demand, digital economy.

Mã bài báo: JHS - 207

Ngày nhận bài sửa: 11/07/2024

Ngày nhận bài: 17/06/2024

Ngày duyệt đăng: 20/07/2024

Ngày nhận phản biện: 30/06/2024

1. Bối cảnh nghiên cứu

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế và là giải pháp nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo Ngân hàng Thế giới (2021), kinh tế số mang lại bốn lợi thế chính cho các quốc gia, bao gồm: giúp các doanh nghiệp có nhiều thông tin, nhiều lựa chọn hơn, doanh số cao hơn và khách hàng hài lòng hơn; giúp tiết kiệm thời gian cho người tiêu dùng với các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp nhanh chóng; giúp cắt giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh do sự gia nhập thị trường dễ dàng hơn, từ đó khuyến khích đổi mới sáng tạo, khuyến khích làm việc tại nhà và tạo thêm các công việc linh hoạt về thời gian; cung cấp nhiều dữ liệu để giúp Chính phủ hiểu rõ hơn những gì đang diễn ra trong nền kinh tế, những dịch vụ nào Chính phủ có thể hoặc cần cung cấp cho các nhóm đối tượng khác nhau.

Nắm bắt những lợi ích của kinh tế số, Việt Nam đã thúc đẩy phát triển kinh tế số và đạt được những kết quả nhất định. Báo cáo của Google đánh giá tốc độ phát triển kinh tế số Việt Nam nhanh nhất Đông Nam Á trong 2 năm liên tiếp với tốc độ tăng trưởng của kinh tế số đạt 38% vào năm 2022, đạt 19% vào năm 2023, và dự báo tiếp tục tăng trưởng 20% vào năm 2025, cao gấp 3,5 lần tốc độ tăng trưởng GDP (Google, Temasek & Bain & Company, 2023). Theo ước tính của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỷ trọng kinh tế số trong tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product - GDP) của Việt Nam năm 2023 đạt 16,5% (Văn, 2023). Theo kết quả biên soạn tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP của Tổng Cục Thống kê (2023), tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP các năm từ 2020-2023 lần lượt là 12,66%, 12,88%, 12,63% và 12,33%. Trung bình tỷ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP các năm 2020-2023 đạt khoảng 12,62%. Riêng trong năm 2023, tỷ trọng kinh tế số trong GDP đạt 12,33%, trong đó ngành kinh tế số lõi đóng góp 7,42% (chiếm 60,19%), số hóa các ngành khác đóng góp 4,91% (chiếm 39,81%). Bên cạnh các ngành kinh tế số lõi, một số ngành có giá trị tăng thêm kinh tế số cao như: thương mại bán buôn, bán lẻ chiếm khoảng 13% tổng giá trị tăng thêm của kinh tế số; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí trung bình các năm từ 2020-2023 ước chiếm khoảng 4%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn chiếm khoảng 2%; Hoạt động phát thanh, truyền hình chiếm khoảng 2%; Hoạt động dịch vụ tài chính khoảng 2%. Một số ngành có hoạt động số hóa thấp và gần như không thực hiện số hóa như hoạt động thú y; hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động chăm sóc, điều

dưỡng tập trung; sản xuất sản phẩm thuốc lá; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Tổng Cục Thống kê, 2023).

Đây là kết quả của những nỗ lực chính sách của Chính phủ trong việc đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, số hóa của các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành dịch vụ. Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 411/QĐ-TTg, Phê duyệt Chiến lược quốc gia Phát triển Kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu nâng tỷ trọng kinh tế số lên 20% GDP vào năm 2025 và 30% GDP vào năm 2030. Để thực hiện mục tiêu này, cần phát triển kinh tế số và xã hội số, phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới, mở ra các thị trường mới và tạo thêm nhiều nhu cầu việc làm mới.

Do vậy, một trong những mục tiêu của phát triển kinh tế số là phát triển nguồn nhân lực kinh tế số. Theo Quyết định số 411/QĐ-TTg, mục tiêu cụ thể được đặt ra là nâng tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong tổng lực lượng lao động đạt trên 2% vào năm 2025 và trên 3% vào năm 2030. Đây là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể hiện thực hóa trụ cột làm chủ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế số theo Khung kết nối, Làm chủ, Đổi mới sáng tạo, Bảo vệ (CHIP) của Ngân hàng Thế giới (2021).

Trong bối cảnh đó, nhiều dự báo của các tổ chức quốc tế đã chỉ ra những tác động của chuyển đổi số cũng như phát triển kinh tế số đối với sự chuyển dịch cơ cấu việc làm và đặt ra những yêu cầu về sự chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng những nhu cầu mới về sử dụng lao động. Theo báo cáo của Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam (2023), trong khi một số ngành bị tác động tiêu cực, giảm việc làm như: năng lượng, chế tạo, dệt may, thương mại, dịch vụ, giải trí, điện tử, giao thông, nông nghiệp..., nhiều ngành khác lại có những tác động tích cực, có thêm việc làm cơ hội để phát triển như du lịch, y tế, giáo dục, xây dựng. Nhằm cung cấp bằng chứng khoa học cho các nhà hoạch định chính sách trong việc phát triển nguồn nhân lực và phát triển thị trường lao động, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế số quốc gia, bài viết này nhằm mô tả thực trạng cung - cầu lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số những năm gần đây, cung cấp bằng chứng khoa học cho các thảo luận chính sách phát triển thị trường lao động trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết về cung - cầu lao động

Nhằm mục tiêu phát triển thị trường lao động một cách hiệu quả, bài viết này xem xét thực trạng cung - cầu lao động, trong bối cảnh phát triển kinh tế số dưới góc nhìn của lý thuyết kinh tế học vi mô về cân bằng cung -

cầu thị trường.

Thị trường lao động là một thị trường có điểm đặc thù với hàng hóa được trao đổi là sức lao động. Cụ thể, người lao động là bên cung về sức lao động và các doanh nghiệp tạo việc làm, có cầu về sức lao động. Theo đó, lực lượng lao động phản ánh cung lao động, trong khi số người có việc làm phản ánh cầu lao động. Mối quan hệ giữa cung lao động và cầu lao động được xem là hết sức cần thiết để đánh giá thực trạng thị trường lao động có thực sự hoạt động hiệu quả hay không.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế số, quá trình chuyển đổi số tác động tới cả cung và cầu lao động, có thể tạo ra sự mất cân đối cung - cầu lao động hoặc làm thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường lao động. Do đó, trên cơ sở lý thuyết cung - cầu, áp dụng cho thị trường lao động, nội dung phần tiếp theo nhằm phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động và việc làm trong thời gian qua và những thay đổi xuất phát từ bối cảnh phát triển kinh tế số, từ đó thảo luận các chính sách phát triển thị trường lao động ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu đảm bảo cân bằng cung - cầu của thị trường lao động, giúp thị trường này hoạt động có hiệu quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích thực trạng lao động và việc làm của Việt Nam, tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu bao gồm: Phương pháp phân tích - tổng hợp và phương pháp thống kê mô tả dựa trên hai nguồn dữ liệu là dữ liệu về lao động và việc làm được công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng Cục Thống kê và dữ liệu khảo sát Điều tra Lao động - Việc làm năm 2020, được thực hiện bởi Tổng Cục Thống kê. Hai phương pháp này được sử dụng kết hợp nhằm mô tả và phân tích thực trạng cơ cấu cũng như sự chuyển dịch cơ cấu lao động và việc làm trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam những năm gần đây.

4. Thực trạng cung - cầu lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam

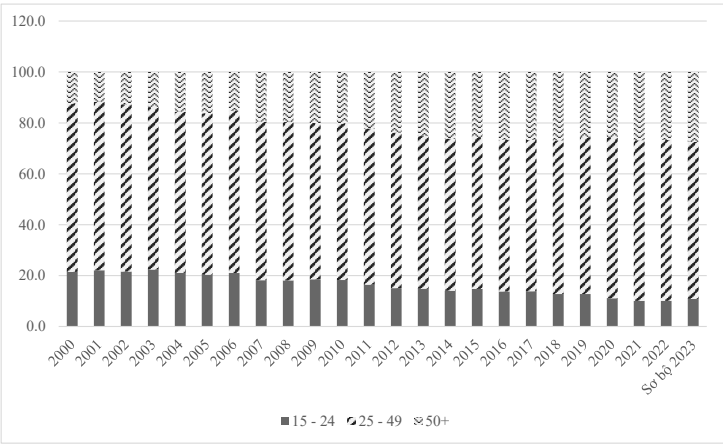
4.1. Thực trạng cung lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Để làm rõ thực trạng cung lao động ở Việt Nam thời gian qua, bài viết xem xét cơ cấu lao động theo bốn khía cạnh chính gồm cơ cấu lao động theo độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp và cơ cấu lao động phi chính thức.

Về cơ cấu lao động theo độ tuổi

Hình 1. Tỷ lệ lao động theo nhóm tuổi ở Việt Nam, giai đoạn 2000-2023

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng Cục Thống kê

Cơ cấu tuổi của lực lượng lao động có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm tỷ lệ lao động trẻ nhóm 15-24 tuổi và nhóm 25-49 tuổi, đồng thời gia tăng tỷ lệ lao động từ 50 tuổi trở lên. Kết quả thống kê phản ánh xu hướng già hóa trong lực lượng lao động (Hình 1). Sự gia tăng tỷ lệ lao động cao tuổi tạo ra nhiều áp lực và thách thức đối với mục tiêu nâng cao năng suất lao động và đi đôi với cải tiến công nghệ trong phát triển kinh tế số. Mặc dù vậy, tỷ lệ lao động dưới 50 tuổi ở Việt Nam hiện đang chiếm tới gần 2/3 lực lượng lao

động. Đây vẫn là điểm mạnh về cơ cấu dân số vàng mà Việt Nam có thể tận dụng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện tốt quá trình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực khác nhau, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số.

Về cơ cấu lao động theo trình độ học vấn trong từng nhóm tuổi

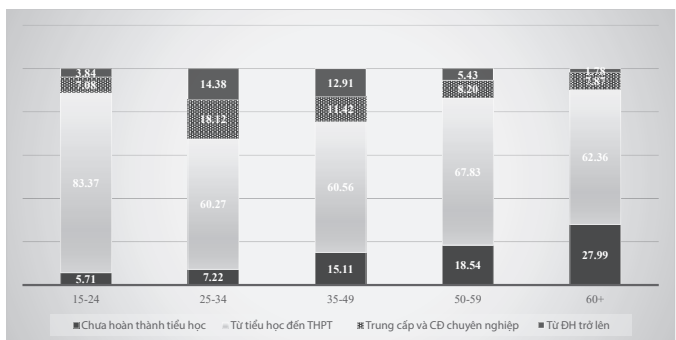
Nhìn vào cơ cấu lực lượng lao động theo trình độ học vấn trong từng nhóm tuổi, bên cạnh những điểm sáng thì vẫn còn những hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực. Tỷ

lệ lao động đã qua đào tạo trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp hoặc có trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn trong nhóm lao động trẻ. Đây là nhóm lao động có thể được huy động cho sự phát triển kinh tế số trong ngắn hạn. Tuy nhiên, tỷ lệ các nhóm lao động đã qua đào tạo chuyên nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ ở hầu hết

các nhóm tuổi, đặc biệt là nhóm lao động cao tuổi, sẽ vẫn là những hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực, đặt ra những yêu cầu đối với chính sách kết nối, phân bổ lao động phù hợp với các ngành, lĩnh vực theo trình độ học vấn của người lao động.

Hình 2. Tỷ lệ lao động theo trình độ học vấn trong từng nhóm tuổi ở Việt Nam, năm 2020

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên dữ liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2020

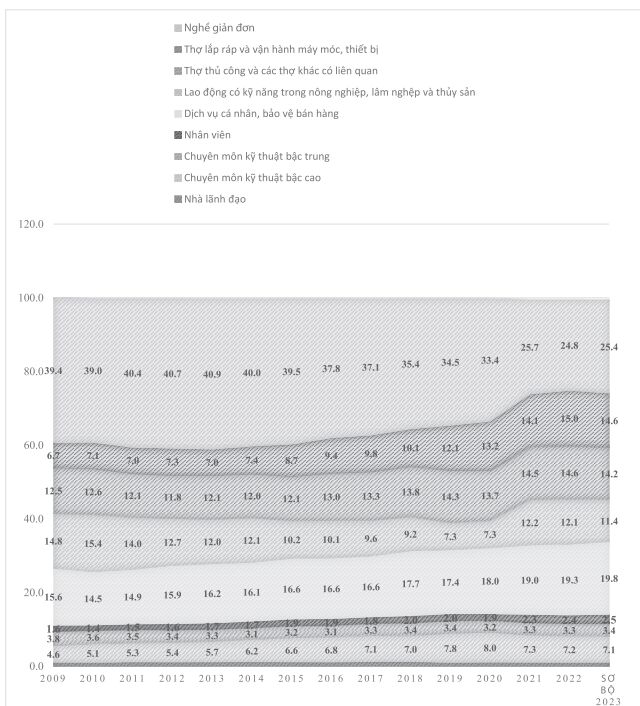
Cơ cấu lao động theo nghề nghiệp

Giai đoạn 2010-2020, cơ cấu nghề nghiệp đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, theo đó đang có sự dịch chuyển từ nhóm nghề đơn giản, ít đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật sang nhóm đòi hỏi tay nghề cao hơn. Lao động làm các công việc giản đơn đã giảm mạnh từ

39,4% năm 2009 xuống 25,4% năm 2023. Ngược lại, tỷ trọng lao động làm các nghề chuyên môn kỹ thuật bậc cao và các nhóm nghề yêu cầu có tay nghề như thợ thủ công/thợ vận hành máy móc thiết bị đã tăng lên đáng kể (Hình 3).

Hình 3. Tỷ lệ lao động theo nghề nghiệp ở Việt Nam, giai đoạn 2009-2023

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng Cục Thống kê

Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức

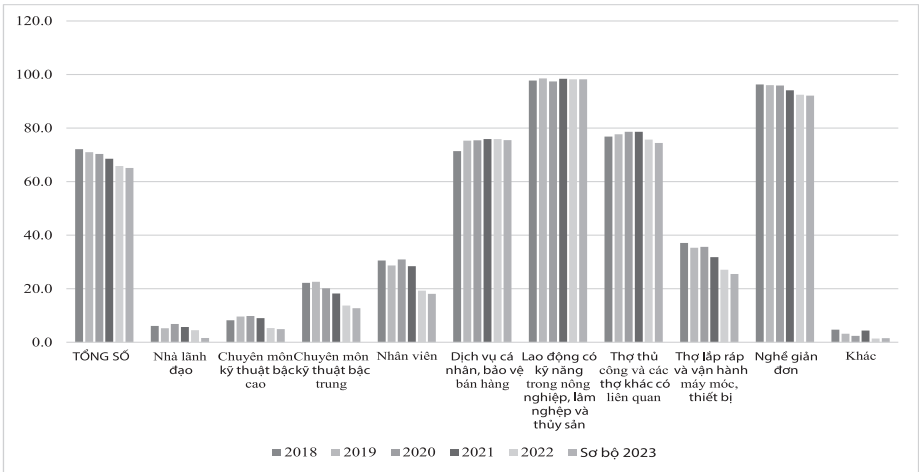
Có sự chuyển dịch cơ cấu lao động giữa lao động chính thức và lao động phi chính thức. Mặc dù tỷ lệ lao động phi chính thức có xu hướng giảm nhẹ qua các năm, tuy nhiên lao động phi chính thức vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lực lượng lao động. Đặc biệt, vẫn tồn tại bộ phận lao động phi chính thức trong khu vực kinh tế chính thức. Báo cáo của Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam (2023) cũng cho thấy, có mối liên hệ thuận chiều giữa tỷ lệ lao động phi chính thức với tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản và tỷ lệ hộ nghèo của các tỉnh. Những tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao với tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản cao thường sẽ có tỷ lệ lao động phi chính thức cao. Ngược lại, ở một số tỉnh phát triển năng động, tập trung nhiều khu công nghiệp có tỷ trọng lao động trong Nông, lâm nghiệp

và thủy sản nhỏ thì số lao động có việc làm phi chính thức cũng chiếm tỷ trọng thấp (ví dụ TP.HCM, Đồng Nai và Bình Dương có tỷ lệ lao động trong Nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ thấp hơn 15% và tỷ lệ hộ nghèo chỉ chưa đến 0,3% thì tỷ lệ lao động phi chính thức ở các tỉnh này lần lượt chỉ là 48,0%, 42,5% và 34,5%).

Đáng chú ý là lao động phi chính thức chủ yếu là lao động làm việc trong các ngành nghề giản đơn, thợ thủ công, dịch vụ bán hàng, bảo vệ, thậm chí là lao động có kỹ năng trong nông nghiệp (Hình 4). Đây là nhóm lao động dễ bị tổn thương trước các cú sốc hay những sự thay đổi của nền kinh tế - xã hội, dễ bị tổn thương trong mối quan hệ với người sử dụng lao động, trong khi lại thiếu vắng các chế độ bảo vệ thông qua hệ thống an sinh xã hội. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đào tạo lại những nhóm lao động này, giúp họ dễ dàng tiếp cận việc làm mới trong quá trình phát triển kinh tế số.

Hình 4. Tỷ lệ lao động phi chính thức theo nghề nghiệp ở Việt Nam, giai đoạn 2018-2023

Đơn vị: %

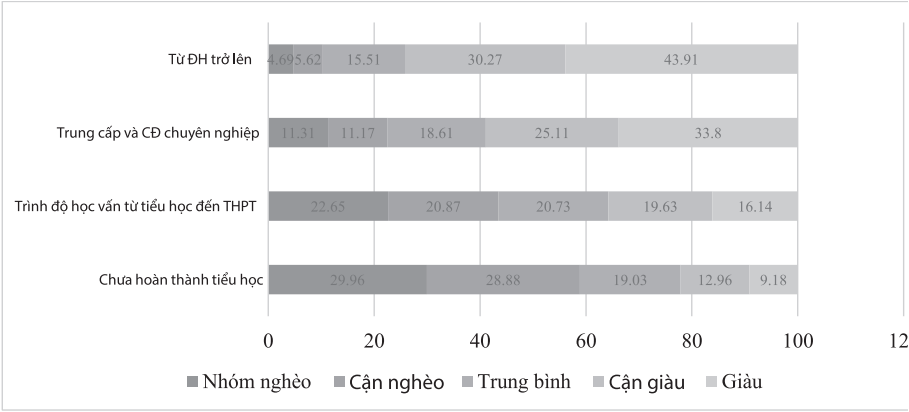


Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng cục Thống kê

Về cơ cấu lao động theo trình độ học vấn và thu nhập

Hình 5. Tỷ lệ lao động phân theo trình độ học vấn và thu nhập

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên dữ liệu Điều tra Lao động - việc làm năm 2020

Trình độ học vấn có mối quan hệ thuận chiều với thu nhập của người lao động. Hình dưới đây cho thấy, gần 75% người lao động có trình độ từ đại học trở lên có mức thu nhập thuộc nhóm giàu và cận giàu. Trong khi đó, tỷ lệ này ở nhóm lao động có trình độ từ tiểu học đến trung học phổ thông là khoảng 35%. Một trong những yếu tố quyết định thu nhập là năng suất lao động. Do vậy, có thể khẳng định những đóng góp của lao động đã qua đào tạo đối với sự gia tăng năng suất lao động trong nền kinh tế. Vì vậy, việc thúc đẩy hoạt động giáo dục, đào tạo chuyên nghiệp là hết sức quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng năng suất lao động và đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số nói riêng và phát triển kinh tế số nói chung.

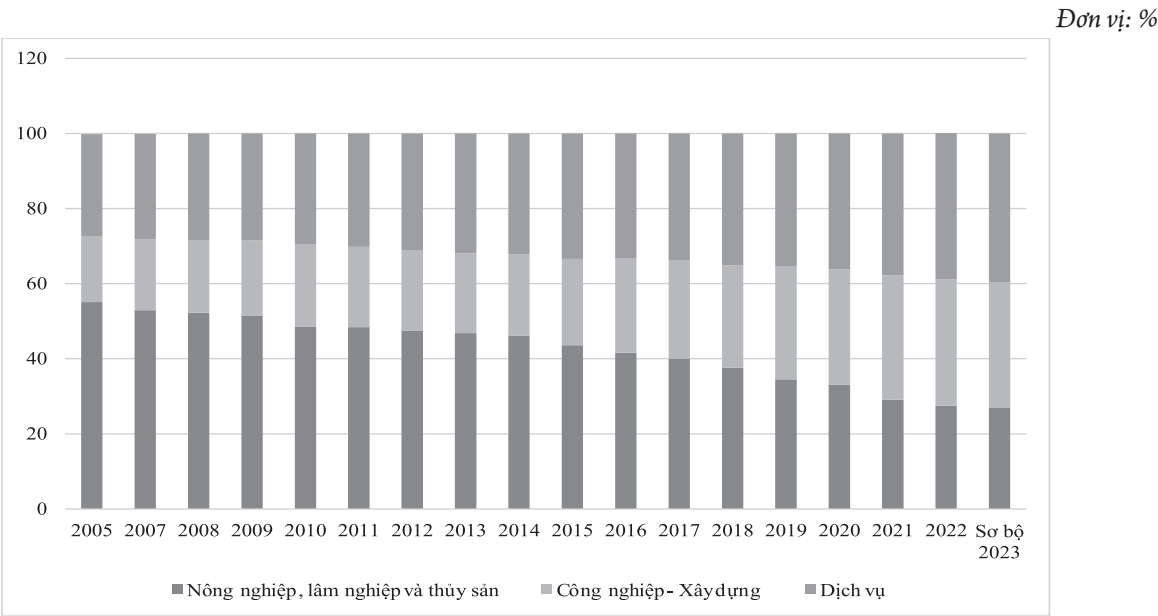
4.2. Thực trạng cầu lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Để phân tích cầu lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số, bài viết xem xét cơ cấu lao động có việc làm và cơ cấu lao động thất nghiệp hoặc thiếu việc làm theo các khía cạnh khác nhau.

Về cơ cấu lao động có việc làm theo ngành kinh tế

Cơ cấu lao động có việc làm theo ngành kinh tế có sự chuyển dịch rõ nét với xu hướng giảm mạnh tỷ trọng của nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và sự mở rộng quy mô nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng việc làm trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm dần từ 55,1% trong tổng việc làm vào năm 2005 xuống 43,6% vào năm 2015 và giảm mạnh xuống 26,9% vào năm 2023. Tỷ trọng việc làm trong ngành công nghiệp tăng dần từ 17,6% năm 2005 lên 33,5% vào năm 2023. Tỷ trọng việc làm trong ngành dịch vụ cũng tăng từ 27,1% năm 2005 lên 39,6% vào năm 2023.

Hình 6. Tỷ lệ lao động có việc làm theo ngành kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2005-2023



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng Cục Thống kê

Đáng chú ý là quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động có việc làm theo ngành tại Việt Nam những năm gần với sự gia tăng năng suất lao động chủ yếu trong nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể, kết quả tính toán của Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam (2023) cho thấy, năng suất lao động của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 4,9% vào năm 2010 lên tới 9,6% vào năm 2020. Đối với ngành dịch vụ, năng suất lao động có sự biến động lên xuống qua các năm, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất là 7,4% vào năm 2016 và do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên năng suất lao động trong ngành này chỉ tăng 2% vào năm 2020. Đồng thời, cũng có sự biến động mạnh về năng suất lao động trong nhóm ngành công nghiệp và xây dựng với xu hướng giảm

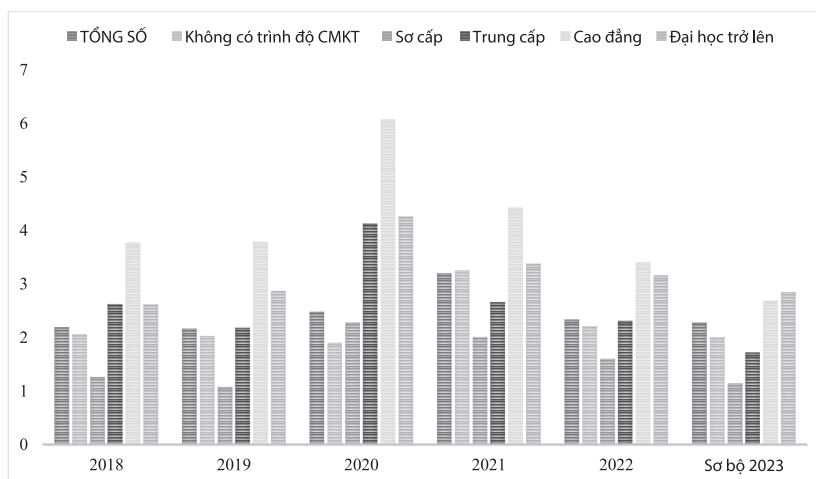
năng suất lao động. Kết quả thống kê này phản ánh sự phân bố lao động chưa tương xứng với tốc độ phát triển của các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Cơ cấu việc làm theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Tỷ lệ thất nghiệp ở lao động đã qua đào tạo vẫn còn duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, một xu hướng tích cực dễ dàng nhận thấy là tỷ lệ thất nghiệp đối với lao động đã qua đào tạo ở bậc cao đẳng trở lên có xu hướng giảm mạnh từ năm 2021 trở lại đây, trong khi tỷ lệ này đối với lao động có trình độ sơ cấp hoặc lao động chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật lại có xu hướng tăng lên. Điều này phản ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ về việc làm cũng như nhu cầu sử dụng lao động trong các ngành nghề yêu cầu trình độ chuyên môn cao.

Hình 7. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng cục Thống kê

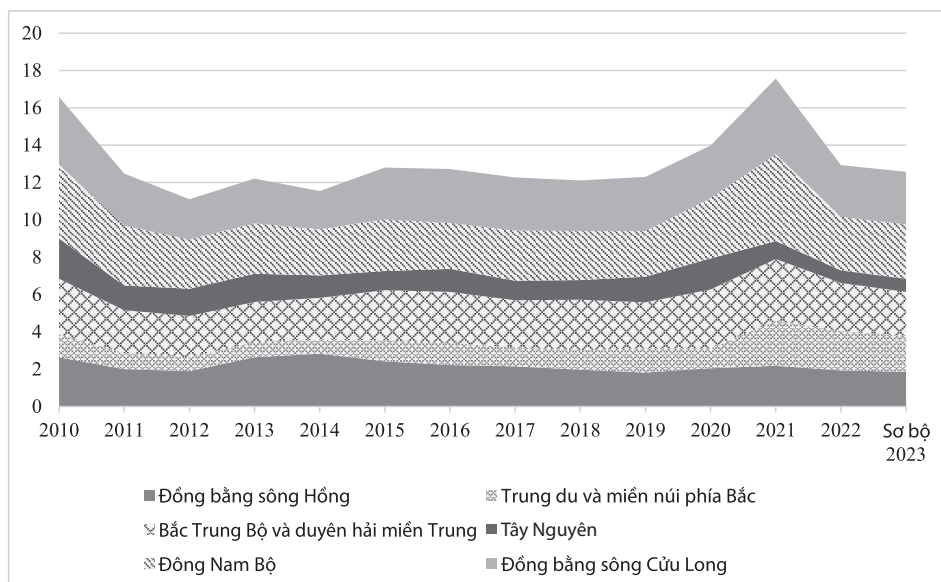
Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm theo vùng kinh tế

Xét theo cơ cấu vùng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm mặc dù có xu hướng giảm sau năm 2010 nhưng vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt là ở khu

vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Đáng chú là sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp cao nhất vào năm 2021.

Hình 8. Tỷ lệ thất nghiệp theo vùng kinh tế ở Việt Nam, giai đoạn 2010-2023

Đơn vị: %



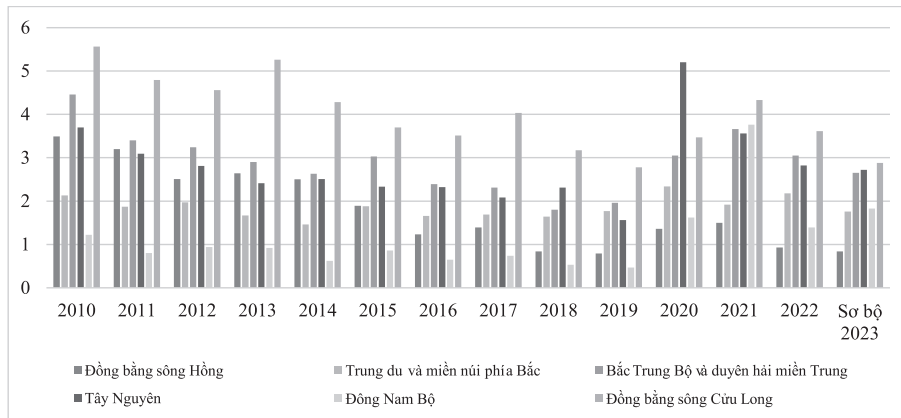
Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng cục Thống kê

Nguyên nhân là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động tới hoạt động sản xuất, kinh doanh trong tất cả các ngành của nền kinh tế. Tuy nhiên, đây cũng là động lực cho quá trình tái cấu trúc kinh tế và tái cấu trúc thị trường lao động với sự chuyển dịch cơ cấu lao động. Năm 2022, cùng với quá

trình phục hồi kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm đã có xu hướng giảm trở lại. Tuy vậy, sự khác biệt trong tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giữa các vùng cho thấy vẫn tồn tại sự phân mảnh giữa các vùng kinh tế theo cơ cấu việc làm, phản ánh sự thiếu gắn kết giữa cung và cầu lao động.

Hình 9. Tỷ lệ thiếu việc làm theo vùng kinh tế ở Việt Nam, giai đoạn 2010-2023

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên số liệu công bố bởi Tổng Cục Thống kê

Về mục tiêu phát triển các chính sách an sinh xã hội khác gắn với phát triển thị trường lao động, theo số liệu công bố của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2023, Việt Nam có khoảng: 18,26 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội đạt 39,25% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó khoảng 1,83 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,92% lực lượng lao động trong độ tuổi, vượt 1,42% mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương cũng như mục tiêu đến năm 2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ về Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

5. Giải pháp phát triển thị trường lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế số

Thực trạng thay đổi cơ cấu lao động - việc làm trong thời gian qua cho thấy nhiều điểm mạnh của Việt Nam trong việc phát triển thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế về sự thiếu đồng bộ trong chuyển dịch cơ cấu lao động - việc làm theo một số khía cạnh như cơ cấu ngành, cơ cấu vùng, trình độ học vấn, hay trình độ chuyên môn kỹ thuật. Vì vậy, cần có những giải pháp nhằm phát huy điểm mạnh, tạo cơ chế kết nối thị trường lao động để lấp đầy những khoảng trống hay sự phân mảnh trong cơ cấu lao động - việc làm, góp phần xây dựng thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương làm cơ sở, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như quan điểm định hướng được nêu trong Nghị Quyết Đại hội XIII của Đảng về chủ trương phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững và được triển khai thông qua Quyết

định số 176/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 5-2-2021, về việc “Ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030”.

Một số giải pháp chính cần triển khai trong thời gian tới nhằm phát triển thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số.

Một là, cần tận dụng cơ cấu dân số vàng nhằm thích ứng nhanh với nhu cầu nhân lực trong bối cảnh phát triển kinh tế số. Với cơ cấu lao động trẻ chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động, việc phát triển các chương trình đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế số, bao gồm các ngành kinh tế số lõi và các ngành kinh tế được số hóa cần được thúc đẩy trong thời gian sớm nhất nhằm tận dụng giai đoạn cơ cấu dân số vàng - được dự báo kéo dài đến hết năm 2039 (Tổng Cục Thống kê, 2021).

Hai là, tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành từ những ngành có năng suất lao động thấp sang ngành có năng suất lao động cao, gắn với sự chuyển dịch cơ cấu tuổi lao động, nhằm thúc đẩy năng suất lao động chung của nền kinh tế. Kết quả phân tích trên cho thấy có sự gia tăng năng suất lao động đáng kể trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản nhưng chưa thực sự tác động mạnh đến các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Để lý giải điều này, theo Toàn & Long (2016), sự gia tăng năng suất lao động của ngành có mối quan hệ với sự chuyển dịch cơ cấu tuổi lao động. Những nhóm tuổi có năng suất lao động cao và tăng nhanh (nhóm lao động trẻ từ 35 đến 54 tuổi) chưa đạt được tỷ trọng cao trong các ngành, là nguyên nhân hạn chế năng suất lao động của ngành và năng suất lao động tổng thể của nền kinh tế. Do vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành cần thúc đẩy thông qua việc kết

hợp đồng bộ chuyển dịch cơ cấu lao động theo tuổi theo hướng tăng tỷ trọng lao động trẻ cho các ngành có năng khả năng mang lại năng suất lao động cao như các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, sẽ tạo tác động cộng hưởng để gia tăng năng suất lao động trong các ngành này nói riêng và năng suất lao động chung của nền kinh tế.

Ba là, cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động giáo dục, đào tạo đối với lao động trẻ từ 15 - 34 tuổi và đào tạo lại đối với lao động từ 35 - 49 tuổi nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu nhân lực kinh tế số. Đây là nhóm lao động có năng suất lao động cao trong nền kinh tế (Toàn & Long, 2016). Tuy nhiên, tỷ trọng lao động đã qua đào tạo đối với những nhóm tuổi này vẫn còn ở mức thấp, chỉ chiếm khoảng 20 - 30% trong lực lượng lao động của từng nhóm tuổi, khó đáp ứng yêu cầu về trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực kinh tế để thực hiện mục tiêu gia tăng tỷ trọng kinh tế số trong GDP lên 20% vào năm 2025. Kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2021) cũng cho thấy, tỷ lệ lao động có trình độ học vấn sau trung học phổ thông ở Việt Nam ở mức thấp so với các quốc gia có cùng trình độ phát triển kinh tế số như Cô-lôm-bia, Thái Lan, Mê-hi-cô, hay In-đô-nê-xia. Vì vậy, việc thúc đẩy đào tạo là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kinh tế số.

Bốn là, cần mở rộng quy mô đào tạo nguồn nhân lực có trình độ từ đại học trở lên và nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Kết quả phân tích cơ cấu lao động theo nghề nghiệp và cơ cấu việc làm theo trình độ học vấn cho thấy, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ, trong khi

đây là nhóm lao động có đóng góp quan trọng trong quá trình chuyển đổi số và hội nhập kinh tế trong thời gian tới. Cùng với đó, xu hướng việc làm cũng có sự thay đổi theo hướng sử dụng nhiều hơn lao động đã qua đào tạo từ đại học trở lên, tỷ lệ thất nghiệp đối với nhóm lao động này giảm mạnh trong một vài năm gần đây cho thấy việc tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo đối với nhóm trình độ này là xu hướng đón đầu nhu cầu việc làm trong nền kinh tế số.

Năm là, cần tăng cường các kênh kết nối thị trường lao động, cải thiện tính minh bạch của thị trường lao động nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các vùng miền. Đây là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục vấn đề phân mảng về mặt địa lý trong cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm theo vùng kinh tế.

Sáu là, bên cạnh các chính sách thị trường lao động, cần phối hợp các chính sách khác trong hệ thống an sinh xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong dài hạn. Tỷ trọng lao động phi chính thức trong nền kinh tế còn cao, cùng với quá trình phát triển kinh tế số gắn với sự chuyển dịch mạnh mẽ lao động giữa các hình thức làm việc trực tiếp, trực tuyến, giữa khu vực chính thức và phi chính thức. Vì vậy, chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách bảo hiểm xã hội nói riêng cần có sự linh hoạt và thích ứng kịp thời nhằm nắm bắt thông tin người lao động phi chính thức, thúc đẩy mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội cho nhóm lao động này. Song song với đó, đẩy mạnh số hóa trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội cũng sẽ góp phần tăng cường sự liên kết, khả năng hỗ trợ và tính liên thông của các chính sách an sinh xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Google, Temasek & Bain & Company. (2023). *E-conomy SEA 2023: Reaching new heights: Navigating the path to profitable growth*. Truy cập tại: <https://www.temasek.com.sg/content/dam/temasek-corporate/news-and-views/resources/reports/google-temasek-bain-e-conomy-sea-2023-report.pdf>
- Ngân hàng Thế giới. (2021). *Việt Nam số hóa: Con đường đến tương lai*. Ngân hàng Thế giới. Washington DC.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021. Ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022. Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Toàn, P. N. & Long, G. T. (2016). Tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến năng suất lao động ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 4(5) 5.2016.
- Tổng Cục Thống kê. (2021). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*. Tổng Cục Thống kê.
- Tổng Cục Thống kê. (2023). *Thông cáo báo chí Kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRGDP ở Việt Nam*. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Văn, H. (2023). *Kinh tế số Việt Nam phát triển nhanh nhất Đông Nam Á trong hai năm liên tiếp*. Báo điện tử Chính phủ. Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/kinh-te-so-viet-nam-phat-trien-nhanh-nhat-dong-nam-a-trong-2-nam-lien-tiep-102231228144858102.htm#:~:text=Bộ%20Thông%20tin%20và%20Truyền%20thông%20ước%20t%C3%ADnh%20tỷ%20tr%E1%BB%8Dng,Việt%20Nam%20ra%20nước%20ngoài>.
- Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam. (2023). *Dịch chuyển lao động đến 2030 ở Việt Nam: Thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế*. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.